

UNIT 2. MY FAMILY

SPEAKING

1.

Act as	Alfie:	Mr Brown, Mrs Brown, Ben:	Tom:
		Tom: Here, Alfie. This is my father. Alfie: Hello, I'm Alfie. Mr Brown: Hello, Alfie. Tom: Alfie, this my brother, Ben. Alfie: Hello, Ben. Ben: Hi, Alfie. Tom: OK, Alfie, this is my mother. Mrs Brown: Hello, Alfie. Alfie: Hello. Oh! And who is this? Hello. I'm Alfie. What's your name? Tom: Haha! Oh, Alfie. That's Ziggy.	



2.

Act as	Tom:	Alfie:
		Alfie: Who's he? Tom: He's my brother. Alfie: What's his name? Tom: His name's Alex. Alfie: Who's he, Tom? Tom: He's my cousin. Alfie: Oh, what's his name? Tom: His name's Bill. Alfie: Oh, who's he? Tom: He's my uncle. Alfie: What's his name? Tom: His name's Tony. Alfie: Is that you aunt? Tom: Yes, it is. Alfie: What's her name? Tom: Her name's May. Alfie: Your family looks nice, Tom.



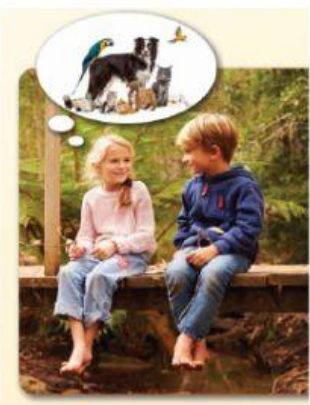
3.

Act as	Lucy, Tom, Ben, Alfie:	Mrs Brown:
	Mrs Brown: Lucy, wake up! Tom! What are you doing? Tom: Playing. Mrs Brown: Stop playing and do your homework please, Tom! Tom: OK, Mom. Mrs Brown: Ben, this place is so messy. Clean your room right now. Ben: OK. Mrs Brown: You look tired, Ben. Go to bed. Ben: OK, Mom. Alfie: Zzzzz Mrs Brown: Oh no! Go to bed, Alfie.	

4.

	My family pet My name is Bill. I live with my mother and father in Toronto, Canada. My family pet is a dog. His name is Charlie. He is five years old. He is brown. I love my dog.

5.

Act as	Mary:	Joe:
		Joe: Mary, do you have a pet? Mary: Yes, I have a bird. His name is Tommy. Joe: Really? Cool! What color is he? Mary: He's yellow. Do you have a pet bird, Joe? Joe: I don't like birds. We have a cat. Mary: What color is he? Joe: He's brown.

6.



My family pet

My name is Linh.

I live with my mother, father, and brother.

My family pet is a cat. Her name is Mimi.

She is nine years old.

She is black and white.

I love my cat.

7.

My family pet

My name's Donna.

I live with my mother and father in Ha Noi, Vietnam.

My family pet is a bird.

Her name is Pecks.

She is four years old.

She's red, yellow and white.

She is a great bird.

NOTE

1.	
- that	đó, kia
- is	là, thì.....
- That is.....	Đó là.....
2.	
- what	gì, cái gì
- is	là, thì.....
- his	của cậu ấy, của anh ấy, của ông ấy.....
- her	của cô ấy, của chị ấy, của bà ấy.....
- name	tên
- that	đó, kia
- is	là, thì.....
- Is that.....? → Yes, it is. → No, it isn't.	Đó có phải là.....? → Phải. → Không phải.
- your	của bạn
- family	gia đình
- look/looks	trông có vẻ
- nice	vui vẻ, hạnh phúc

3.	
- what	gì, cái gì
- you	bạn
- doing	đang làm
- What are you doing?	Bạn đang làm gì đó?
- playing	đang chơi
- stop	dừng, ngừng, nghỉ
- please	vui lòng, làm ơn, xin
- this	này
- place	nơi, chỗ, địa điểm, vị trí
- so	rất, cực kỳ
- look	trông có vẻ
- tired	mệt mỏi
4.	
- my	của tôi
- family	gia đình
- pet(s)	thú cưng
- family pet(s)	thú cưng trong nhà
- live	sống
- with	với

- years old	năm tuổi
- like/love	yêu, thích
5.	
- have	có
- Do you have.....?	Bạn có.....không?
- a/an	một
- Do you have a pet?	Bạn có con thú cưng nào không?
- Really?	Thật không? Thật á?
- cool	tuyệt vời
- What color is he?	Cậu ấy màu gì?
- I don't like.....	Tôi không thích.....
- we	chúng tôi, chúng ta
6.	
- like/love	yêu, thích
- and	và, cùng, với
7.	
- she	nó, cô ấy, chị ấy, bà ấy.....
- is	là
- a/an	một
- great	tuyệt vời